

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DAVITECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DAVITECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAVITECH INVESTMENT AND TECHNOLOGY DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108036837

**3. Ngày thành lập:** 25/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà N2-7 Khu đô thị Xuân La, phố Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0242 2128333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp                                                              | 4690(Chính) |
| 2.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                 | 1410        |
| 3.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                 | 1512        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                      | 4210        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích                                                   | 4220        |
| 6.  | Bốc xếp hàng hóa                                                               | 5224        |
| 7.  | Đúc sắt, thép                                                                  | 2431        |
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                   | 2592        |
| 9.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                 | 2630        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                             | 2640        |
| 11. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710        |
| 12. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                              | 2740        |
| 13. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                      | 2750        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;<br>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;<br>- Sản xuất chuông điện;<br>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;<br>- Sản xuất còi báo động;<br>- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;<br>- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;<br>- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thuỷ tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản; - Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong; - Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay. | 2790 |
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100 |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>- Xây dựng công trình công nghiệp;<br>- Xây dựng công trình hạ tầng như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, xây dựng đập và đê, đường hầm;<br>- Xây dựng các cơ sở hạ tầng công;                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4290 |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,<br>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển.                                                                                       | 4390 |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4511 |
| 24. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4513 |
| 25. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4520 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4530 |
| 27. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>- Đại lý;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610 |
| 29. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649 |
| 31. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 32. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 34. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 35. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4661 |
| 36. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663 |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4741 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759 |
| 40. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                | 5022 |
| 42. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                    | 5221 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn. | 5229 |
| 45. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                   | 5610 |
| 46. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 47. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                           | 7320 |
| 48. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                     | 7410 |
| 49. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                | 7730 |
| 50. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                     | 7911 |
| 51. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 52. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                                    | 8299 |
| 53. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                | 0710 |
| 54. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                                                                       | 0722 |
| 55. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                    | 0810 |
| 56. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                                                                                                                       | 0891 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRIỆU VIỆT DŨNG | Khu 3, Thị Trấn Hạ Hoà, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                         | 1.000.000.000         | 10,000    | 131663787                                                                                                                                         |         |

|   |                         |                                                                                                   |               |        |           |  |
|---|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THẾ HIỀN      | Thôn Lại Thượng, Xã<br>Lại Thượng, Huyện<br>Thạch Thất, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam          | 1.000.000.000 | 10,000 | 111537360 |  |
| 3 | NGUYỄN<br>MẠNH<br>CƯỜNG | Số 9, ngách 295/9 phố<br>Thụy Khuê, Phường<br>Bưởi, Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam | 8.000.000.000 | 80,000 | 011828462 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ HIỀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/01/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111537360*

Ngày cấp: *27/02/2003*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tây( nay là TP. Hà Nội)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lại Thượng, Xã Lại Thượng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lại Thượng, Xã Lại Thượng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội